TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K-TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST.
Ngày: 17/02/2023.
"V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi;

-*Thư ký phiên toà:* Ông Phan Đình Mão -Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ngày 17/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST-DS ngày 17/10/2022, về việc*"Kiện đòi nợ tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐST-DS ngày 10/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST- DS ngày 31/01/2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Đức O, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Thôn Tân Sơn, xã A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Thôn Hbang, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Anh O có mặt tại phiên tòa, chị N lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Nguyễn Đức O trình bày:

Như anh đã trình bày trOg đơn khởi kiện, trOg thời gian từ đầu năm 2018 đến ngày 13/9/2018 chị Nguyễn Thị Tuyết N đã mua phân bón, thuốc sâu của anh. Đến ngày 31/03/2022, giữa anh và chị N đã chốt công nợ, thì hai bên thống số tiền tính đến hết ngày 13/9/2018 chị N còn nợ anh số tiền là 175.278.000 đồng *(một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng);* trOg văn bản chốt công nợ hai bên đã ghi rõ là trOg thời hạn 07 ngày kể từ ngày xác lập chốt công nợ thì chị N phải thu xếp trả ngay cho anh số tiền trên. Tuy nhiên; anh đã nhiều lần yêu cầu chị N trả nợ cho anh nhưng chị N cố tình trốn tránh, khất lần không chịu trả tiền, nên anh đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân huyện K giải quyết buộc chị N phải thanh toán số tiền còn nợ từ việc mua phân bón, thuốc trừ sâu của anh đến ngày 31/03/2022 là 175.278.000 đồng *(một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng)*.

Anh O xác định đây là quan hệ về nợ tiền từ việc mua bán hàng hóa phát sinh giữa anh và chị N chứ không liên quan đến ai, nên anh không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai vào tham gia tố tụng trOg vụ án này.

Nguyên đơn anh Nguyễn Đức O cũng yêu cầu kể từ ngày anh có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người phải thi hành án (chị Nguyễn Thị Tuyết N) thi hành án xOg tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại bản tự khai ngày 11/01/2023 bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông O chị đầu tư cho dân mất mùa chưa trả cho chị, khi nào dân trả thì chị sẽ trả cho ông O.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều làn triệu tập chị N than gia phiên công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa, nhưng chị N cố tình vắng mặt nên không trình bày thêm được quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy A4 đánh máy và viết tay có đầu đề... Giấy xác nhận công nợ... ngày 31/03/2022 có nội dung... đại lý khách hành Nguyễn Thị Tuyết N còn nợ đại lý cấp I VTNN Loan O số tiền tính đến hết ngày 13 tháng 9 năm 2018 là 175.278.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn)... kết thúc nội dung có chữ ký ghi rõ họ tên của chị Nguyễn Thị Tuyết N và đại lý cấp I Loan O ông Nguyễn Đức O (bản chính); 01 Giấy căn cước công dân mang tên Nguyễn Đức O (bản sao);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức O, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Tân Sơn, xã A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Hbang, xã Kông Lơng Khơng, huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này được thể hiện qua chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và bản tự khai của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về tố tụng dân sự:*** Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn anh Nguyễn Đức O và chị Nguyễn Thị Tuyết N là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật mua bán hàng hóa. Quan hệ này được hai bên xác nhận, được hai bên chốt nợ bằng giấy xác nhận công nợ và không có lãi, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Anh O là chủ thể có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện K đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa"*, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] ***Về nội dung giải quyết vụ án:***

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức O, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ pháp luật mua bán hàng hóa giữa anh O và chị N được hai bên xác lập và chốt công nợ bằng văn bản đề ngày 31/03/2022 thể hiện chị Nguyễn Thị

Tuyết N còn nợ anh O số tiền tính đến hết ngày 13 /9/ 2018 là 175.278.000 đồng *(một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng chẵn).*

TrOg quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn chị N cũng đã thừa nhận có mua phân bón, thuốc trừ sâu của nguyên đơn anh O và đầu tư lại cho dân, nhưng dân mất mùa nên chưa trả cho cho bị đơn nên bị đơn chưa có tiền để trả lại nguyên đơn anh O. Từ những chứng cứ có trOg hồ sơ vụ án và nội dung trình bày của các đương sự, HĐXX xét thấy nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức O là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ từ việc mua hàng hóa là 175.278.000 *đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).*

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh O được chấp nhận toàn bộ nên anh O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh O toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 175.278.000 đồng x 5% = 8.763.900 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 433, 434, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 39, 91; 93; 94; 95; 108, 144, 147, 266 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đức O.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N phải trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Đức O số tiền còn nợ từ việc mua hàng hóa là 175.278.000 đồng *(một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án (anh O) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (chị N) thi hành án xOg khoản tiền nợ nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 8.763.900 đồng *(tám triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm đồng)* tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Đức O số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.381.950 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0003652 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

TrOg thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện K;
-Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lành